

Bản án số: 35/2022/HS-PT
Ngày: 27/7/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

-T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán:- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán:
1. Ông Vũ Công Đồng.
2. Ông Đinh Xuân Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 50/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022. Đối với bị cáo Phạm Minh H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Minh H, sinh năm 1954.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị S (đều đã chết); Vợ: Đào Thị S, sinh năm 1958; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 26/05/2004 của TAND huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xử phạt H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. H đã chấp hành xong thời gian thử thách và các quyết định khác của bản án.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/HSST ngày 02/6/2004 của TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án

treo thời gian thử thách 18 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. H đã chấp hành xong thời gian thử thách và các quyết định khác của bản án.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/HSST ngày 03/4/2008 của TAND huyện T, tỉnh B xử phạt H 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 03/8/2008 chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án này còn có bị hại do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị N Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vương Thị Q, sinh năm 1971 và con trai là Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 cùng trú tại thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh B thuê ngôi nhà 6 tầng của anh Vương Quốc T2, sinh năm 1966 ở cùng thôn để mở quán kinh doanh Karaoke, xông hơi, tắm mát massage. Ngày 07/01/2020, Cục C02 - Bộ Công an phối hợp với Công an tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang Q và T có hành vi chứa mại dâm tại quán của mình. Quá trình giải quyết vụ án nêu trên, ngày 31/03/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành bản Cáo trạng số 31 truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành để xét xử đối với Q, T về tội “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Sau khi Quý nhận được bản cáo trạng nêu trên, Q nói chuyện với bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949, trú tại thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh B (là dì ruột của Q) nhờ bà N hỏi xem có quen biết ai không để lo giảm án. Buổi sáng ngày 02 tháng 4 năm 2020, bà N có gặp Phạm Minh H tại phòng tiếp dẫn của UBND huyện Thuận Thành. Tại đây, bà N nói chuyện của Q cho H nghe. H bảo bà N và chị Q mang bản Cáo trạng đến để H xem. Khoảng 8 giờ sáng ngày 03/4/2020, bà N và Q đến nhà H mang theo bản Cáo trạng và nhờ H chạy án cho Q từ khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự xuống khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. H bảo Q để lại bản Cáo trạng trên. H khai: Do trước đây H có quen biết với ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 trú tại thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh B nguyên là cán bộ công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh nên buổi sáng ngày 04/4/2020, H đến gặp ông Đ để hỏi. Khi đến nhà ông Đ, H đưa cho ông Đ xem bản Cáo trạng và hỏi ông Đ: “Có lo được từ khoản 2 xuống khoản 1 không?”. Ông Đ đáp: “Lo được”. H hỏi tiếp: “thế kinh phí hết khoảng bao nhiêu?”. Ông Đ đáp: “Hết khoảng 50 đến 60 triệu đồng”. H đồng ý rồi ra về. Sau đó, H gọi điện thoại cho bà N để bảo Q chuẩn bị số tiền 60

triệu đồng để chạy án. Ngày 07/4/2021, Q gọi điện cho H để hỏi việc mình nhờ chạy án thì H bảo để chạy án từ khoản 2 xuống khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự hết số tiền 60 triệu đồng. Q đồng ý. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 08/4/2020, Q cùng chồng là anh Nguyễn Văn T2 đến nhà đưa cho H số tiền 60 triệu đồng như thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H tự viết 01 giấy biên nhận có nội dung nhận số tiền 60 triệu đồng của chị Q rồi đưa cho chị Q giữ. Buổi chiều cùng ngày, H mang số tiền 60 triệu đồng xuống đưa cho ông Đ. Ông Đ cầm tiền rồi đưa lại cho H 10 triệu đồng. Khi đưa tiền cho ông Đ, hai bên không viết giấy tờ biên nhận gì. Đến ngày 05/6/2020, ông Đ gọi điện cho H bảo H phải đưa thêm số tiền 25.000.000 đồng để chạy án. H đồng ý. Sau đó, H gọi điện bảo chị Q đưa thêm số tiền 25.000.000 đồng. Chị Q đồng ý và đi một mình đến nhà H đưa cho H số tiền 25.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H tự viết 01 giấy biên nhận có nội dung nhận số tiền 25.000.000 đồng của chị Q rồi đưa tờ giấy này cho chị Q giữ. Sau đó, H gọi điện thông báo cho ông Đ biết bảo ông Đ đến nhà mình. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, tại nhà H, H đã đưa cho ông Đ số tiền 20.000.000 đồng. Khi đưa tiền cho ông Đ, hai bên không viết giấy tờ biên nhận gì. H khai: Do trước đó ông Đ có vay H số tiền 3.000.000 đồng và ông Đ nói cho H số tiền 2.000.000 đồng để ăn sáng N H chỉ đưa cho ông Đ số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 20/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành đã mở phiên tòa xét xử và tuyên phạt Vương Thị Q 05 năm tù, Nguyễn Văn T 03 năm tù về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Sau khi Tòa tuyên án, chị Q thấy H không chạy án được cho mình xuống khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự như đã hứa nên đã nhiều lần đòi H trả lại số tiền nêu trên nhưng H không trả. H khai: H đưa chị Q, anh T2 và bà N xuống nhà ông Đ để nói chuyện nhưng ông Đ không làm việc với bà N, anh T2 và chị Q. H đã nhiều lần gọi điện đòi ông Đ trả lại số tiền 70.000.000 đồng mà H đã đưa cho ông Đ để lo chạy án cho chị Q (Trong đó có 02 lần H đã ghi âm lại cuộc gọi giữa H và ông Đ ngày 05/4/2021 và ngày 28/7/2021). Ngày 28/7/2021, chị Q gọi điện cho H để đòi số tiền trên nhưng H chưa lo được tiền trả N chị Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành gửi đơn tố giác đối với Phạm Minh H về hành vi như đã nêu trên và gửi kèm 02 giấy nhận tiền bản phô tô ngày 08/4/2020 và ngày 05/6/2020. Ngày 05/8/2021, Phạm Minh H đến nhà trả chị Q số tiền 40 triệu đồng. Sau khi trả tiền, H viết giấy có nội dung H đã trả chị Q số tiền 40 triệu đồng, chị Q tự nguyện cho H số tiền 15.000.000 đồng và hẹn đến ngày 04/11/2021, H sẽ trả nốt chị Q số tiền 30.000.000 đồng còn lại, chị Q cũng viết rồi đưa cho H 01 giấy nhận tiền có nội dung tương tự. Đồng thời, chị Q bảo bà N đưa lại cho H 02 tờ giấy nhận tiền bản gốc ghi ngày 08/4/2020 và ngày 05/6/2020. H đã dùng bật lửa đốt 02 tờ giấy nhận tiền này. Ngày

06/8/2021, chị Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành giao nộp bản gốc 01 giấy giao tiền ghi ngày 05/8/2021 nêu trên.

Ngày 06/8/2021, Phạm Minh H đã giao nộp 01 USB chứa đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa H và Nguyễn Văn Đ.

Ngày 23/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành ra Quyết định khởi tố bị can số 194, Lệnh bắt bị can để tạm giam số 09 đối với Phạm Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngày 24/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Thành đã tiến hành bắt giữ Phạm Minh H. Quá trình bắt giữ đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A02S màu trắng; 01 nhẫn kim loại gắn đá màu đỏ vỏ ngoài màu vàng; 01 thắt lưng da đã qua sử dụng; 03 chìa khóa bằng kim loại; 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 2.180.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 098793; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô số 21XM210136445; 01 căn cước công dân số 027054000748; 01 giấy chứng nhận đã tiêm phòng vaxin Covid 19; các tài liệu giấy A4 được đựng trong túi bóng được niêm phong dán kín theo quy định.

Ngày 13/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành tiến hành kiểm tra các tài liệu giấy A4 được đựng trong túi bóng được niêm phong phát hiện: 01 giấy viết tay nhận tiền ngày 05/8/2021 ký tên Vương Thị Q có nội dung H đã trả chị Q 40 triệu đồng và hẹn đến ngày 04/11/2021 sẽ trả số tiền 30 triệu đồng; 01 Bản cam kết nhận tiền ghi ngày 11/8/2021 ký tên Nguyễn Văn T2 có nội dung H đã trả cho anh T2 số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị can Phạm Minh H kết quả thu giữ:

- Số tiền 15.000.000 đồng (gồm 30 tờ tiền Polyme, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng) tại túi áo vest phía trước bên trái, phía dưới treo trong tủ quần áo cạnh cửa ra vào tại phòng ngủ của Phạm Minh H tại tầng 2 (niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M1).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen đã qua sử dụng tại bàn làm việc đối diện cửa ra vào phòng ngủ của Phạm Minh H tại tầng 2 và 02 chiếc USB nhãn hiệu Kingston, trong đó 01 chiếc loại màu xanh dung lượng 02 GB, 01 chiếc màu đỏ dung lượng 08 GB thu tại gầm bàn làm việc nêu trên (được niêm phong trong phong bì thư ghi ký hiệu M2).

- Các giấy tờ, tài liệu trên mặt bàn làm việc và trong các ngăn tủ bàn làm việc (được niêm phong trong 01 thùng cát tông hình hộp chữ nhật, bên ngoài ghi chữ “Vim”)

Ngày 13/10/2021, Cơ quan CSĐT tiến hành mở niêm phong để kiểm tra đồ vật, tài liệu thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại nhà Phạm Minh H:

- Kiểm tra thùng cát tông bên ngoài ghi chữ “Vim” phát hiện trong số các giấy tờ, tài liệu thu giữ có: 01 bản Cáo trạng số 31/Ctr - VKS - P2 ngày 31/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh (bản có dấu đỏ); 01 bản cam kết nhận tiền ghi ngày 11/8/2021; 01 đơn khiếu nại của Vương Thị Q đối với việc xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành. Ngoài ra, các giấy tờ khác không có nội dung liên quan đến vụ án này được niêm phong lại vào thùng cát tông hình hộp chữ nhật, trên hộp có dán giấy A4 ghi chữ “Vụ Phạm Minh H – sinh năm 1954 – Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Kiểm tra phong bì thư ghi ký hiệu M2:

- + Kiểm tra 02 USB đều có nhãn hiệu “Kingston” không phát hiện nội dung quan đến vụ án hay vi phạm pháp luật khác.

- + Kiểm tra chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4 màu đen gắn sim số 0812.713.331 tại ứng dụng “máy ghi âm”, mục danh sách có hiển thị 03 file ghi âm gồm: 01 file ghi tên “ Ghi âm cuộc gọi chú Đ - 210728-183722.m4a”, thời lượng 00 giờ 02 phút 33 giây, hồi 18 giờ 44 phút ngày 28/07/2021; 01 file tên “ ghi âm cuộc gọi cháu Q Yn – 210728-142437.m4a”, thời lượng 00 giờ 02 phút 32 giây, hồi 18 giờ 43 phút ngày 28/07/2021; 01 file tên “ ghi âm cuộc gọi chú Đ 210405- 112949.m4a, thời lượng 00 giờ 04 phút 28 giây hồi 11 giờ 39 phút ngày 05/4/2021. Ngoài ra, không phát hiện nội dung nào liên quan đến vụ án hay vi phạm pháp luật khác.

Ngày 15/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành ra Quyết định số 163 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh giám định mẫu chữ viết, chữ ký trong Bản gốc giấy giao tiền do Phạm Minh H viết và ký tên (ký hiệu A) và 02 bản gốc bản tự khai của Phạm Minh H ngày 02/8/2021 (ký hiệu M1) và bản tự khai ngày 05/8/2021 (ký hiệu M2) có pH do một người viết, một người ký ra hay không?

Ngày 17/9/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh có bản Kết luận giám định số 131 kết luận: “Chữ viết tại phần nội dung trên “giấy giao tiền” ghi ngày 05/8/2021 tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Phạm Minh H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Minh H dưới mục “người giao tiền” trên “giấy giao tiền” ghi ngày 05/8/2021 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Minh H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành:

Phạm Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu ở trên. Tuy nhiên H cho rằng mình không phạm tội lý do việc H nhận tiền của Vương Thị Q nhờ chạy giám án nếu không trả tiền thì mới phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng H đã trả lại tiền cho chị Q, chị Q đã rút đơn.

Bà Nguyễn Thị N khai: Về nội dung diễn biến việc bà N giới thiệu Phạm Minh H gặp Q như đã trình bày ở trên. Ngày 03/4/2020, bà N đưa Q đến nhà Phạm Minh H để đưa cho H xem bản cáo trạng. Khi H xem xong thì bảo Q để lại bản Cáo trạng rồi H và chị Q lấy số điện thoại liên lạc của nhau. Một thời gian sau, Q nói chuyện với bà về việc Q đưa cho H số tiền 85 triệu đồng để chạy án cho Q nhưng không chạy được. Q đòi H trả lại số tiền này nhưng H không trả N bà đã cùng Q đi đòi lại tiền như trình bày ở trên.

Ông Nguyễn Văn Đ khai: Do bản thân ông có quen biết với Phạm Minh H N đến khoảng tháng 4/2021, ông hỏi vay H số tiền 70 triệu đồng để chữa bệnh. H đồng ý. Sau đó, ông đã thanh toán trả cho H đầy đủ số tiền này. Quá trình vay mượn giữa ông và H không viết giấy tờ gì và cũng không có thoả thuận gì với nhau. Ngoài ra, có một vài lần, H có đưa một số người đến nhà ông nhưng do không quen biết N ông không nói chuyện gì với những người này.

Về nội dung 2 đoạn ghi âm cuộc gọi mà Phạm Minh H cung cấp cho Cơ quan điều tra, ông xác nhận đã được nghe đoạn 02 ghi âm này và xác nhận đó là giọng nói của ông. Nội dung của 02 đoạn ghi âm là nói chuyện về việc H đòi nợ ông số tiền 70 triệu đồng ông vay của H như trình bày ở trên.

Việc H khai nhận ông có nhận 70 triệu đồng để chạy án cho Vương Thị Q: Ông khẳng định ông không quen biết gì với chị Q, không chạy án cho Q cũng như không biết việc H chạy án cho Q.

Do lời khai của các bên có nhiều điểm mâu thuẫn với nhau N Cơ quan điều tra đã tiến hành cho H đối chất với ông Đ; H với bà N nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 24/2022/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành đã tuyên xử bị cáo Phạm Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều b, s Khoản 1. Khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Minh H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2022, Phạm Minh H có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết, tuy nhiên bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội vì bị cáo không lừa đảo ai và cũng không chiếm đoạt số tiền của ai. Việc chị Q đưa tiền cho bị cáo là tự nguyện để nhờ bị cáo lo chạy giảm án. Sau khi không lo được bị cáo đã trả lại tiền cho chị Q và Q đã rút đơn vì vậy bị cáo không chiếm đoạt tiền của chị Q. Tuy nhiên, bị cáo cũng nhận thức được việc làm của mình là sai. Đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo H không đồng ý với quan điểm đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, bị cáo cho rằng mình không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: Xem xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận: Phạm Minh H mặc dù không có nhiệm vụ, quyền hạn gì trong việc xét xử vụ án hình sự đối với Vương Thị Q bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố về tội “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự. Nhưng trong thời gian từ ngày 08/4/2020 và ngày 05/6/2020, H đã có hành vi hứa hẹn nhờ người chạy án cho Vương Thị Q về tội “Chứa mại dâm” từ điểm c khoản 2 Điều 327 xuống khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự để chiếm đoạt của Vương Thị Q tổng số tiền 85 triệu đồng. Cụ thể: Lần thứ nhất: Ngày 08/4/2020 tại nhà của Phạm Minh H tại Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B, Vương Thị Q đã đưa cho H số tiền 60 triệu đồng. Lần thứ hai: Ngày 05/6/2020 tại nhà của Phạm Minh H tại Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B, Vương Thị Q đã đưa cho H số tiền 25 triệu đồng. Do vậy, cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, phải được xét xử kịp thời, nghiêm minh để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo về việc xem xét lại tội danh, HĐXX nhận thấy: Bị cáo không có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án của chị Vương Thị Q nhưng khi chị Q đến nhờ thì bị cáo đã hứa hẹn lo chạy giảm án cho chị Q và nhận số tiền 85.000.000 đồng. Khi nhận tiền, bị cáo viết giấy nhận tiền để tạo niềm tin cho chị Q. Bị cáo đã có hành vi gian dối ngay từ khi chị Q đến nhờ vả, tạo niềm tin cho bị hại sẽ chạy được án nhằm chiếm đoạt số tiền 85.000.000 đồng. Thời điểm hoàn thành của tội phạm là khi bị cáo nhận được tiền của bị hại. Mặc dù, sau đó bị cáo đã trả bị hại hết số tiền nhưng qua xem xét các chứng cứ, tài liệu cho thấy, sau nhiều lần bị chị Q đòi tiền do không thể lo được giảm án cho chị nên ngày 28/7/2021 chị Q đã làm đơn tố giác đến Công an huyện Thuận Thành. Sau đó, Công an huyện Thuận Thành gọi bị cáo lên làm việc nhiều lần và đến ngày 05/8/2021 bị cáo mới trả lại cho chị Q 40.000.000 đồng và ngày 11/8/2021 trả 30.000.000 đồng; còn số tiền 15.000.000 đồng chị Q tự nguyện cho bị cáo. Vì vậy, HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Việc bị cáo trả lại bị hại tiền chỉ có thể coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã khắc phục hậu quả như bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp pháp luật. Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh của bị cáo. Do đó, cần bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Minh H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/8/2021.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Phạm Minh H 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Miễn toàn bộ số tiền 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Phạm Minh H.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Công Đồng Đinh Xuân Tuấn

Nguyễn Hữu Hòa